

Số: 10/2024/QĐST-LĐ

Trảng Bàng, ngày 24 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: ông Đỗ Huy Phong.

- Thư ký phiên họp: ông Huỳnh Tấn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên họp: ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 18/2023/TLST-VLĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 09/2024/QĐST-LĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: chị Lê Thị Bé T, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố A, phường H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty F; địa chỉ: Khu Chế Xuất và Công Nghiệp L, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: ông G - Chức vụ: Chủ tịch công ty; vắng mặt.

2. Chị Lê Thị D, sinh năm 1994; địa chỉ: khu phố S, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh N; địa chỉ: Số S, đường C, Khu phố 5, Phường 3, thành phố N, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: ông N - Chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền: bà T - Chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội thị xã B; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo người yêu cầu giải quyết việc dân sự chị Lê Thị Bé T trình bày: do quen biết nên chị T cho chị Lê Thị D mượn chứng minh nhân dân để ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty F từ tháng 06-2008 đến tháng 07-2011 và được công ty đóng bảo hiểm xã hội từ 06-2008 đến tháng 07-2011, mã số TZ08011113 mang tên Lê Thị Bé T.

Trong thời gian chị T cho chị D mượn chứng minh nhân dân để đi làm thì chị T cũng đang làm việc tại Công ty S. Chị T làm việc tại công ty này từ tháng 04-2008 đến tháng 05-2022 và được công ty đóng bảo hiểm xã hội từ 04-2008 đến tháng 05-2022, mã số 7208006487 mang tên Lê Thị Bé T.

Do bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại hai công ty khác nhau là Công ty S và Công ty F nhưng dưới một tên là Lê Thị Bé T và có hai mã số sổ bảo hiểm xã hội nên chị T không lãnh tiền bảo hiểm xã hội được.

Vì vậy chị T nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty F và chị Lê Thị Bé T (do chị Lê Thị D mượn chứng minh nhân dân của chị T để ký hợp đồng lao động) là vô hiệu do vi phạm nguyên tắc “trung thực” nhằm mục đích để chị T làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm xã hội.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị D trình bày: chị D thừa nhận có mượn chứng minh nhân dân của chị T để ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty F từ tháng 06-2008 đến tháng 07-2011 và được công ty đóng bảo hiểm xã hội từ 06-2008 đến tháng 07-2011, mã số TZ08011113 mang tên Lê Thị Bé T.

Hiện chị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty F và chị Lê Thị Bé T (do chị D mượn chứng minh nhân dân của chị T để ký hợp đồng lao động) vô hiệu do vi phạm nguyên tắc “trung thực” nhằm mục đích để chị T làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm xã hội thì chị D đồng ý.

Theo người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh N trình bày: kiến nghị Tòa án Nhân dân thị xã Trảng Bàng xem xét tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Lê Thị Bé T và Công ty F vô hiệu.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty F: Công ty F đang làm thủ tục giải thể, đóng cửa không hoạt động nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho Công ty theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết yêu cầu:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét đơn yêu cầu đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết việc lao động; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 117, 127 Bộ luật dân sự 2015; Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật lao động và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng giải quyết việc lao động xem xét quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Lê Thị Bé T về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Lê Thị Bé T và Công ty F là vô hiệu.

Chị Lê Thị Bé T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: người yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thuộc quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện là tại Công ty F; địa chỉ: Khu Chế Xuất và Công Nghiệp L, phường A, thị xã B, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên họp theo quy định pháp luật. Tại phiên họp chị T, chị D và Bảo hiểm xã hội tỉnh N vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; Công ty F vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp.

[2] Đối với yêu cầu của chị Lê Thị Bé T:

Xét thấy việc chị D sử dụng thông tin cá nhân của chị T để ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty F là có thật. Hành vi của chị D là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật lao động, thuộc trường hợp hợp đồng vô hiệu toàn bộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật lao động.

Bảo hiểm xã hội thị xã B cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị T tại Công ty F từ tháng 06-2008 đến tháng 07-2011, mã số TZ08011113 mang tên Lê Thị Bé T phù hợp với thông tin do chị T cung cấp.

Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T về việc tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty F với chị Lê Thị Bé T (do chị Lê Thị D mượn chứng minh nhân dân của chị T để ký hợp đồng lao động) vô hiệu.

[3] Về lệ phí: chị Lê Thị Bé T phải chịu theo quy định.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 15, 49, 50 của Bộ luật lao động; Điều 33, 39, 149, 367, 372, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Lê Thị Bé T.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Lê Thị Bé T (do chị Lê Thị D ký) với Công ty F là vô hiệu.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: chị Lê Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014987 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Chị Lê Thị Bé T, chị Lê Thị D, Công ty F và Bảo hiểm xã hội tỉnh N có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Tx Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Đỗ Huy Phong